

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN AN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/DS-ST

Ngày : 06-3-2024

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tĩnh

2. Bà Trịnh Thị Lệ Hoa

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Minh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 328/2023/TLST-DS ngày 25/10/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958;

Địa chỉ: 297 ấp Rạch C, xã Lợi BN, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1977; Địa chỉ: 231 đường số 12, Phường D, thành phố T, tỉnh Long An (*có mặt*)

2. **Bị đơn:**

2.1. Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1975;

2.2. Ông Đặng Ngọc Q, sinh năm 1970

Cùng địa chỉ: số 331 ấp Rạch C, xã Lợi BN, thành phố T, tỉnh Long An. (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/8/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn do ông Nguyễn Minh C đại diện trình bày:

Do chỗ quen biết, vào ngày 10/4/2021 bà L (tên gọi khác là 5 Th) có cho vợ chồng bà Huỳnh Thị B và ông Đặng Ngọc Q mượn số tiền 94.000.000đồng, mỗi tháng trả 3.000.000đồng, trả trong vòng 32 tháng thì hết số tiền vay. Khi mượn tiền bà B có viết và ký tên vào giấy mượn tiền. Từ ngày chốt sổ trả tiền đến nay, bà B không trả cho bà L một khoản tiền nào. Bà L đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà B, ông Q thanh toán số tiền nêu trên cho bà L, nhưng vợ chồng bà B, ông Q đã bán nhà và không còn liên lạc với bà L.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu Tòa Án buộc vợ chồng bà Huỳnh Thị B và ông Đặng Ngọc Q hoàn trả cho bà L số tiền vốn vay gốc là 90.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày nộp đơn khởi kiện là 22.500.000đồng.

Ngày 10/01/2024 bà L có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu bà B, ông Q trả cho bà số tiền vốn vay còn thiếu là 94.000.000đồng.

Bị đơn bà Huỳnh Thị B và ông Đặng Ngọc Q vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Chứng cứ là các bản sao “Giấy mượn tiền”; Giấy báo phiên tòa, quyết định đưa vụ án ra xét xử. Bà B, ông Q không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận chứng cứ, phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L, không tham gia các phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Minh C rút lại yêu cầu buộc vợ chồng bà B, ông Q trả cho bà L số tiền lãi là 22.500.000đồng.

Về ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Hội đồng xét xử đều tuân theo quy định pháp luật tố tụng. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo qui định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ vay gốc là 94.000.000 đồng. Đình chỉ đối với yêu cầu trả tiền lãi 22.500.000đồng. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị L nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Huỳnh Thị B và ông Đặng Ngọc Q có địa chỉ tại thành phố Tân An, tỉnh Long An. Căn cứ điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Bà Huỳnh Thị B và ông Đặng Ngọc Q đã được Tòa án thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú trên báo Công Lý theo 3 số liên tiếp và trên Đài tiếng nói Việt Nam VOV5 phát vào 03 ngày 14, 15 và 16 tháng 11 năm 2023 về việc bà L có yêu cầu vợ chồng bà B, ông Q liên đới trả số tiền vay của bà L từ năm 2021 cho đến nay. Tòa án cũng đã thực hiện việc niêm yết, tổng đạt Giấy mượn tiền; Đơn khởi kiện; Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập bà B, ông Q đến các phiên tòa sơ thẩm nhưng bà B, ông Q không đến nên Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà B, ông Q là đúng theo quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ vay là 94.000.000 đồng. Căn cứ xác lập giao dịch là các “Giấy mượn tiền” ngày 10/4/2021, do bà B viết và ký tên có nội dung: *“Ngày 10/4/2021 mượn số tiền 94 triệu đồng, hàng tháng trả 3 triệu đồng, trả suốt 32 tháng là hết kỳ hạn”*. Hợp đồng vay được xác lập giữa bà L với bà B là hợp đồng vay có kỳ hạn và không lãi suất, bà Huỳnh Thị B có viết và ký tên người nhận tiền. Bà L cho rằng từ khi nhận tiền cho đến nay bà B, không thanh toán khoản tiền nào cho bà L. Xét thấy, ngày thụ lý vụ án 25/10/2023 là chưa đến kỳ hạn thanh toán khoản vay này, do đó đến ngày 10/01/2024 nguyên đơn nộp đơn khởi kiện bổ sung là kỳ hạn vay được 33 tháng đã quá thời hạn trả nợ theo giấy mượn tiền, nhưng bà B vẫn không thực hiện nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà L.

Theo xác minh của Công an xã Lợi BN, thành phố Tân An, bà Huỳnh Thị B và ông Đặng Ngọc Q có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 331 ấp Rạch C, xã Lợi BN, thành phố T, tỉnh Long An, bà B, ông Q “hiện không còn sinh sống tại địa chỉ trên”. Tòa án đã thông báo trên báo đài Trung Ương 3 số liên tiếp và thực hiện việc niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật tại nơi cư trú cuối cùng của bà B, ông Q về việc bà L yêu cầu vợ chồng bà B, ông Q trả cho bà L số tiền vay còn thiếu từ ngày 10/4/2021 cho đến nay, nhưng bà B, ông Q vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình, chứng tỏ bà B, ông Q đã cố tình vắng mặt. Tòa án có văn bản xác minh đối với trưởng ấp tại nơi cư trú của bị đơn, thể hiện việc bà B, ông Q còn người thân cư trú tại địa phương. Tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh, không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Do đó, căn cứ vào Giấy mượn tiền có chữ ký của bà B, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, cần buộc vợ chồng bà B, ông Q trả cho bà L số tiền vốn vay 94.000.000 đồng.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi: Tại phiên tòa, nguyên đơn do ông Nguyễn Minh C đại diện rút lại yêu cầu buộc vợ chồng bà B, ông Q trả cho bà L số tiền lãi tính

từ ngày mượn 10/4/2021 đến ngày nộp đơn khởi kiện 10/10/2023 với số tiền là 22.500.000đồng, nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này của bà L.

[3] Về phương thức trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 94.000.000đồng, trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bị đơn không có ý kiến về phương thức trả nợ nên cần buộc bà B, ông Q có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền 94.000.000đồng một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu 4.700.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn có đơn xin miễn án phí.

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn phải chịu chi phí thực hiện thủ tục thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú đối với bị đơn là 4.000.000đồng. Nguyên đơn đã nộp đủ. Chi phí xác minh là 2.000.000đồng, bị đơn phải chịu chi phí này, nguyên đơn đã tạm ứng chi phí này. Do đó bị đơn có nghĩa vụ hoàn lại số tiền 2.000.000đồng này cho nguyên đơn.

Về ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Huỳnh Thị B và ông Đặng Ngọc Q.

Buộc bà Huỳnh Thị B và ông Đặng Ngọc Q trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 94.000.000 đồng (Chín mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L yêu cầu vợ chồng bà Huỳnh Thị B và ông Đặng Ngọc Q trả cho bà L số tiền lãi 22.500.000đồng.

3. Về án phí: Bà Huỳnh Thị B và ông Đặng Ngọc Q phải chịu 4.700.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị L được miễn án phí.

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn đã nộp đủ chi phí thực hiện thủ tục thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú đối với bị đơn. Bà Huỳnh Thị B và ông Đặng Ngọc Q có nghĩa vụ hoàn lại chi phí xác minh là 2.000.000đồng cho bà Nguyễn Thị L.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. Tân An;
- Chi cục THA tp. Tân An;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Phạm Thị Thu Hương